

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
MÃ NGÀNH: 7340120

NĂM 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2 Thông tin chung	3
1.3 Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Thương mại	3
1.4 Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	4
1.5 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	5
1.6 Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	7
1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	8
1.8 Phương pháp giảng dạy và học tập	9
1.9 Phương pháp đánh giá.....	11
1.10 Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo	15
1.11 Hệ thống tính điểm.....	22
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	23
2.1 Tiến trình chương trình đào tạo.....	23
2.2 Mô tả các học phần.....	23
2.3 Chương trình thực tập tốt nghiệp	26
2.4 Hoạt động ngoại khóa	27
2.5 Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	28
2.6 Hướng dẫn thực hiện chương trình	29

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

Ngành đào tạo Kinh doanh quốc tế do Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế quản lý. Đây là một trong các ngành có truyền thống và bề dày đào tạo của Trường. Ngành Kinh doanh quốc tế bắt đầu tuyển sinh từ năm 1998 đến nay đã thực hiện tuyển sinh được 23 khóa. Với mục đích cung cấp cho các tổ chức, cơ quan quản lý doanh nghiệp, các chuyên gia, người lao động có kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với nhu cầu của các hoạt động kinh doanh quốc tế trên thị trường toàn cầu. Sinh viên được trang bị kiến thức toàn diện về kinh tế - kinh doanh – quản trị nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng để theo đuổi các cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực và tổ chức khác nhau từ các doanh nghiệp trong ngoài nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước. Kể từ thời điểm đó chương trình đào tạo đã trải qua nhiều lần sửa chỉnh, bổ sung vào những năm 2016/2017, 2019 để ngày càng phù hợp hơn so với yêu cầu khoa học và thực tế.

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ với 120 tín chỉ bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức bổ trợ, thực tập và làm tốt nghiệp khóa học; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân từ 3,5 năm đến 4 năm. Hệ thống tài liệu giảng dạy được cập nhật hàng năm và các phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực học tập.

1.2 Thông tin chung

1.	Ngành	Kinh doanh quốc tế
2.	Bậc	Đại học
3.	Loại bằng	Cử nhân
4.	Loại hình đào tạo	Chính quy
5.	Thời gian	4 năm
6.	Số tín chỉ	120 tín chỉ (không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
7.	Khoa quản lý	Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Thương mại
8.	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9.	Website	http://kinhtekinhdoanhquocte.tmu.edu.vn/vi/
10.	Facebook	https://www.facebook.com/KinhtevakinhdanhquocteTMU

1.3 Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Thương mại

Tầm nhìn

Tầm nhìn đến năm 2040 phát triển Trường Đại học Thương mại theo mô hình “Trường đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm” với chất lượng các nguồn lực và năng lực cốt lõi để trở thành:

Một trung tâm đào tạo chất lượng cao các trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với chương trình đào tạo tiên tiến; đội ngũ giảng viên có trình độ học thuật và sư phạm cao;

Một trung tâm nghiên cứu, hợp tác trong nước và quốc tế; chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức có uy tín cao trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại của quốc gia và quốc tế;

Một trường đại học triển khai thành công mô hình quản trị đại học tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và quản lý hiện đại, kết hợp thực hành văn hóa tổ chức, nhấn mạnh các giá trị truyền thống, trách nhiệm và sáng tạo; lấy sự hài lòng của người học về chất lượng và giá trị dịch vụ đào tạo, sự gắn bó và đoàn kết của viên chức Nhà trường làm tiêu điểm;

Một trường đại học có vị thế và thương hiệu mạnh dựa trên giá trị dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; có uy tín cao, hình ảnh thân thiện với các đối tác và cộng đồng xã hội;

Một trường đại học được đánh giá và thừa nhận là một trong các trường đại học dẫn đầu về chất lượng toàn diện các hoạt động trong kiểm định và xếp hạng trường đại học Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Sứ mạng

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1.4 Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức, kỹ năng trong kinh doanh quốc tế; Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, tự tin trong giao tiếp, giải quyết vấn đề, tham gia hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh trên thị trường quốc tế; Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp; Có cơ hội học tiếp các chương trình sau đại học; Ngoài ra có thể làm việc ở các cơ quan quản lý các cấp về hoạt động kinh doanh quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học các kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Kinh doanh quốc tế, kiến thức nền tảng về nền kinh tế và kiến thức cơ sở ngành Kinh doanh quốc tế cùng các kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về ngành và chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Đồng thời người học cũng có các kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành khóa học được trang bị đầy đủ các kỹ năng về nghề nghiệp của ngành Kinh doanh quốc tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, khả

năng tư duy và giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng hỗ trợ như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng làm báo cáo, trình diễn và truyền thông quốc tế, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tiếng anh.

Khóa học cũng nhằm đào tạo người học thành một công dân có ý thức chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp, có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

1.5 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.5.1 Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành thương mại quốc tế có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Thương Mại Quốc Tế; nắm vững, biết vận dụng lý thuyết và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Cụ thể như sau:

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thương Mại Quốc Tế có năng lực vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đường, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Nắm được những nội dung cơ bản về pháp luật dân sự cũng như công tác quốc phòng - an ninh của Việt Nam;
- Có những kiến thức về nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề căn bản.
- Có kiến thức căn bản về nền kinh tế và cách thức nền kinh tế vận hành; được trang bị các kiến thức căn bản về hoạt động kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế và các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế.
- Có bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, marketing cũng như các kiến thức cần thiết trong quản trị doanh nghiệp như kế toán, tài chính, thương hiệu và quản lý tài sản trí tuệ, quản trị nhân lực,
- Có các kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản trị trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, Logistic và quản trị chuỗi cung ứng.

1.5.2 Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Kinh doanh quốc tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại quốc tế:

Các kỹ năng nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng chung căn bản của ngành Kinh doanh quốc tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại quốc tế, bao gồm:

- Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề thương mại quốc tế của doanh nghiệp.

- Kỹ năng hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp
- Kỹ năng nghiên cứu và đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing XNK hàng hóa của doanh nghiệp
- Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kỹ năng lập chương trình vượt rào cản thuế quan và các rào cản phi thuế khác như hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế và đầu tư quốc tế của doanh nghiệp
- Kỹ năng Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp

Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phát hiện, lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và thương mại quốc tế, như phân tích, đánh giá các xu hướng về chiến lược kinh doanh quốc tế, hoạt động xuất nhập khẩu, nhượng quyền thương mại, gia công quốc tế ... đưa ra những hướng giải quyết cụ thể.
- Kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập, thu thập có hệ thống về khoa học kinh doanh quốc tế cũng như hoạt động xuất nhập khẩu

Kỹ năng hỗ trợ

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (Teamwork)
- Kỹ năng làm báo cáo, thuyết trình và bảo vệ kết quả nghiên cứu.
- Kỹ năng trình diễn và truyền thông.
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và quy định chuẩn ngoại ngữ theo Quyết định 979/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quyết định 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/09/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Thương Mại.

1.5.3 Yêu cầu về thái độ

- Sinh viên ra trường phải có những phẩm chất đạo đức cá nhân như: tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình...
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;

- Đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, thích ứng với môi trường đa văn hóa
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;
- Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.
- Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước

1.5.4 Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế có:

- Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc;
- Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện;
- Có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.
- Năng lực dẫn dắt chuyên môn, nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên ngành được đào tạo;
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn tại đơn vị,
- Có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng nắm bắt kịp thời các xu hướng của thị trường, ngành và nền kinh tế nói chung;

1.6 Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

1.6.1 Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Thương mại quốc tế của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các bộ phận như sau:

- Chuyên viên quản trị chiến lược, lập chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế.
- Chuyên viên phát triển thị trường, tìm kiếm đối tác cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.
- Chuyên viên quản trị tác nghiệp xuất, nhập khẩu (Lập phương án kinh doanh, giao dịch, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng xuất, nhập khẩu);
- Chuyên viên xúc tiến thương mại, đầu tư xuất nhập khẩu
- Chuyên viên quản trị chất lượng, phát triển sản phẩm, dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Chuyên viên quản trị kênh và mạng lưới phân phối xuất, nhập khẩu.
- Chuyên viên quản trị logistic quốc tế.
- Chuyên viên quản trị tài chính quốc tế
- Chuyên viên hải quan

- Chuyên viên các văn phòng đại diện thương mại của nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan ngoại giao, cơ quan thương mại của Việt Nam ở nước ngoài;
- Chuyên viên nghiên cứu, hoạch định chính sách thương mại quốc tế tại các cơ quan quản lý Nhà nước;
- Giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế.
- Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính kinh doanh...) ở các doanh nghiệp

Các loại hình tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại, đầu tư và sở hữu trí tuệ có hoạt động thương mại quốc tế
- Các loại hình doanh nghiệp sản xuất- kinh doanh có hoạt động thương mại quốc tế - Các bộ phận nghiên cứu, giảng dạy kinh doanh quốc tế ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại quốc tế ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

1.6.2 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể.
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế và Kinh doanh thương mại.

1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Tiêu chí tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo.

Quy trình đào tạo

Đào tạo theo Quy định Đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên

1.8 Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, hỗ trợ ra quyết định, cụ thể như sau:

Phương pháp dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Phương pháp dạy học trực tiếp bao gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng và phương pháp báo cáo chuyên gia.

- Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- Thuyết giảng: giảng viên trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giải. Sinh viên nghe giảng, ghi chú để tiếp nhận các kiến thức.
- Phương pháp báo cáo chuyên gia: sinh viên được tham gia vào các buổi học mà người diễn giảng là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế sử dụng hình thức báo cáo chuyên gia, với diễn giả là các doanh nhân, nhà quản trị, là cựu sinh viên. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể có những bài học kinh nghiệm.

Phương pháp dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là phương pháp lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong quá trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Phương pháp giảng dạy gián tiếp gồm: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống.

- Câu hỏi gợi mở: trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra.
- Giải quyết vấn đề: sinh viên học được những kiến thức mới nhờ đối mặt với các vấn đề. Thông qua việc tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- Học theo tình huống: là phương pháp lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

Phương pháp học theo tình huống được sử dụng mạnh mẽ, với đa dạng các tình huống của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tình huống được cập nhật hàng kỳ, hàng năm, thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của môi trường kinh doanh.

Phương pháp dạy học trải nghiệm

Học trải nghiệm là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng thông qua thực hành, thực tế quan sát, trải nghiệm và cảm nhận. Các phương pháp học trải nghiệm bao gồm: phương pháp mô hình và thực tập, thực tế.

- Mô hình: là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu.
- Thực tập, thực tế: sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế được tham gia hoạt động đi thực tế tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, hải quan... để tìm hiểu nhiều nội dung liên quan đến học phần. Thông qua hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Phương pháp dạy học tương tác

Đây là phương pháp dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận. Giảng viên hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Sinh viên có thể học từ bạn hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để ra quyết định. Để hỗ trợ người học phát huy khả năng linh hoạt, sáng tạo, đạt được các năng lực về giao tiếp, làm việc nhóm, chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế sử dụng thường xuyên phương pháp thuyết trình và thảo luận nhóm. Các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm được sử dụng xuyên suốt trong nhiều môn học từ năm nhất tới năm cuối, nhằm thúc đẩy sinh viên tương tác với nhau.

Các phương pháp dạy học tương tác gồm có: phương pháp tranh luận, thảo luận, học nhóm.

- Tranh luận: là quá trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.
- Thảo luận: là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, sinh viên với cùng quan điểm mục tiêu chung, tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.
- Học nhóm: sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

Phương pháp tự học

Phương pháp tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của sinh viên được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn trên lớp. Phương pháp được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà.

Thông qua việc hoàn thiện và nộp bài tập ở nhà cho giảng viên, không chỉ thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học mà còn giúp người học tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình học (Trans, Microsoft Teams, Google Drive, Google Classroom, Google Forms, Group Facebook, Dropbox...). Hướng dẫn sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin là một phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế.

1.9 Phương pháp đánh giá

Ngành Kinh doanh quốc tế đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá thông qua điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần.

Điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần = 10% điểm chuyên cần + 30% điểm thực hành + 60% điểm thi hết học phần.

Công thức đánh giá Điểm học phần: $D_{hp} = \sum_{i=1}^3 1 \cdot k_i D_i$ Trong đó:

D_{hp}: Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

D_i : Điểm thành phần i (i = 1,2,3) **k_i** : Trọng số điểm thành phần i (i = 1,2,3)

D_{kt}: Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

D_{đm}: Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân.

Xếp loại của từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, B+, C, C+, D, D+, F chi tiết tại mục 1.11. Có 02 quy trình đánh giá được sử dụng là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết.

Đánh giá tiến trình

Mục đích của đánh giá tiến trình là cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục trong quá trình dạy học. Các công cụ đánh giá được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá điểm thực hành (bao gồm điểm kiểm tra và điểm đổi mới phương pháp học tập).

- Đánh giá chuyên cần: ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập. Điểm chuyên cần có trọng số 10% với học phần lý thuyết, 40% với học phần thực hành. Điểm chuyên cần bao gồm 2 tiêu chí là chuyên cần đi học và đóng góp tại lớp. Trọng số của từng tiêu chí được chi tiết trong từng học phần. Việc đánh giá điểm chuyên cần được thực hiện theo Quy

định 923/QĐ-ĐHTM về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại ban hành ngày 16/08/2019. Cụ thể như sau:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
	Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)
<i>Chuyên cần</i>	Vắng mặt trên lớp trên 40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 20-30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ 0-10%
<i>Ý thức học tập trên lớp</i>	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật	Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật

- Đánh giá điểm kiểm tra: giảng viên kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các bài kiểm tra giữa và cuối học phần. Số lượng bài kiểm tra từ 1 đến 3 bài theo Quy định 923/QĐ-ĐHTM về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại ban hành ngày 16/08/2019. Học phần 1 - 2 tín chỉ có từ 1 đến 2 bài kiểm tra, học phần từ 3 tín chỉ trở lên có từ 2 đến 3 bài kiểm tra. Các bài kiểm tra có thời gian từ 15 - 20 phút đối với bài trắc nghiệm và tối đa 45 phút đối với bài tự luận. Việc ra đề và chấm điểm bài kiểm tra do giảng viên phụ trách. Điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 15%. Điểm trung bình các bài kiểm tra được xác định bằng số trung bình cộng của điểm tất cả các bài kiểm tra trong học phần.
- Đánh giá điểm đổi mới phương pháp học tập:

Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, thương lượng. Điểm đổi mới phương pháp học tập có trọng số 15% với học phần lý thuyết bao gồm Bài thảo luận nhóm, Thuyết trình, bảo vệ của nhóm hoặc Nhận xét, nêu câu hỏi phản biện, Điểm thưởng. Trọng số của từng tiêu chí đánh giá được chi tiết trong từng học phần. Việc đánh giá điểm đổi mới phương pháp học tập được thực hiện như sau:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
	Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)
<i>Nội dung báo cáo</i>	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu
<i>Thuyết trình</i>	<i>Slide trình bày</i> quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định <i>Phần trình bày</i> không logic, vượt quá thời gian quy định; sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu. <i>Trả lời câu hỏi</i> yếu	<i>Slide trình bày</i> với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng <i>Phần trình bày</i> đầy đủ, giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày. <i>Trả lời câu hỏi</i> kém	<i>Slide trình bày</i> với bố cục logic, Rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài và kết luận). <i>Phần trình bày</i> có bố cục 3 phần rõ ràng, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe; thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày. <i>Trả lời câu hỏi</i> trung bình	<i>Slide trình bày</i> với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần thể hiện sự thành thạo trong trình bày. <i>Phần trình bày</i> ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. <i>Trả lời câu hỏi</i> chặt chẽ	<i>Slide trình bày</i> với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. <i>Phần trình bày</i> ngắn gọn. Bố cục rõ ràng; giọng nói rõ ràng, lưu loát; thu hút sự chú ý của người nghe; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định. <i>Trả lời câu hỏi</i> sắc sảo, rất chặt chẽ

<i>Tổ chức nhóm và phối hợp thành viên của nhóm</i>	Không có sự làm việc và phối hợp với nhóm	<i>Nhóm trưởng</i> không phân công cụ thể trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Nhóm trưởng có phân công nhiệm vụ riêng cho mỗi thành viên nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhóm; thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	<i>Nhóm trưởng</i> phân công nhiệm vụ rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhóm; thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	<i>Nhóm trưởng</i> phân công nhiệm vụ của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp; phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm; tương tác, phối hợp tốt. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.
<i>Tham gia nhóm (chuyên cần)</i>	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)

Đánh giá tổng kết

Mục đích của đánh giá tổng kết là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học. Công cụ đánh giá được sử dụng là Thi viết.

Điểm đánh giá tổng kết có trọng số 60%. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi đánh giá tổng kết (thi kết thúc học phần). Người học đủ điều kiện phải dự thi theo đúng lịch. Nếu thi không đạt phải đăng ký học lại theo quy định. Người học không đủ điều kiện hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng khi thi kết thúc học phần theo lịch của kỳ thi, sẽ phải nhận điểm 0 đối với học phần đó và phải đăng ký học lại theo quy định. Nếu vắng thi có lý do chính đáng và được Trường phòng Quản lý đào tạo cho phép thì sinh viên được dự thi kết thúc học phần ở kỳ thi tiếp theo (nếu có lịch thi).

Việc biên soạn ngân hàng đề thi, Trưởng bộ môn/Trưởng học phần cử người có đủ phẩm chất, năng lực và kinh nghiệm đề ra đề thi. Trưởng bộ môn/Trưởng học phần chịu trách nhiệm biên tập thành ngân hàng đề thi của học phần và gửi cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Thương mại trộn đề thi, bốc thăm, nhân bản đề thi chính thức, làm túi đề thi cho từng phòng thi và niêm phong.

Sau khi nhận được Túi bài thi, Túi đề thi (đã làm phách) từ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng bộ môn/Trưởng học phần chỉ đạo chấm bài thi kết thúc, cử 2 cán bộ

chấm độc lập các bài thi theo đáp án và thang điểm của bộ môn bằng hai thức mực khác nhau trên bài thi. Việc chấm thi phải đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng và trên cơ sở Đáp án và thang điểm chấm được lập. Điểm toàn bài thi được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

1.10 Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

Về kiến thức

Học phần	Triết học Mác Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Lịch sử đảng cộng sản Việt	Pháp luật đại cương	Tiếng anh 1	Tiếng anh 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học
1. Kiến thức									
-Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x	x			
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế									
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng									x
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế	x					x			
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh						x			

Học phần	Tâm lý học lao động	Kinh tế phát triển	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giáo dục thể chất và giáo dục	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vĩ mô 1	Kinh doanh quốc tế
1. Kiến thức									
-Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.	x	x	x	x	x	x			
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế		x					x	x	x
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế									x
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng									x
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế									x
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh							x	x	x

Học phần	Kinh tế quốc tế 1	Quản trị học	Tiếng anh chuyên ngành	Kinh tế khu vực và ASEAN	Kinh tế lượng	Kinh tế môi trường	Kinh tế học quản lý	Marketing căn bản	Lý thuyết xác suất và thống kê
1. Kiến thức									
-Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.									
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế	x	x		x	x	x	x	x	x
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế	x			x			x	x	
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng	x	x					x		
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế	x			x			x	x	
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh	x	x		x		x	x	x	

Học phần	Quản trị dịch vụ	Thương mại điện tử căn bản	Kinh tế thương mại đại cương	Kinh tế lao động	Quản trị chiến lược toàn cầu	Đàm phán thương mại quốc tế	Quản trị đa văn hóa	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng	Đầu tư quốc tế
1. Kiến thức									
-Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.									
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế					x	x	x	x	x
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng	x				x	x	x	x	x
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế					x	x	x	x	x
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Học phần	Giao dịch Thương mại quốc tế*	Nghiệp vụ hải quan	Hội nhập kinh tế quốc tế	Quản trị Xuất nhập khẩu*	Khoa học hàng hóa (Tổng luận)	Kinh tế quốc tế 2	Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chất lượng	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất
1. Kiến thức									
-Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.									
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng	x	x	x	x		x	x	x	
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Học phần	Quản trị tài chính	Marketing quốc tế	Quảng cáo và xúc tiến TMQ T	Luật Thương mại quốc tế	Kinh tế doanh nghiệp	Quản trị tài chính công ty đa quốc	Quản trị nhân lực quốc tế	Kinh tế chia sẻ	Quản lý môi trường trong TMQ T	Chính sách kinh tế quốc tế	Quản trị Logistics kinh doanh	Kinh tế đầu tư quốc tế	Chiến lược thương hiệu	Thị trường ngoại hối	Quản trị thương hiệu 1
1. Kiến thức															
- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học.															
- Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh quốc tế để có thể vận dụng hệ thống kiến thức của Khoa học và xã hội để hình thành tư duy tổng quan toàn diện của một nhà quản trị trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Kinh doanh quốc tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản trị nói chung và quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng						x	x			x	x				
- Có khả năng ứng dụng những lý thuyết và học đưa vào giải quyết những tình huống trong hoạt động quản trị và kinh doanh quốc tế thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý-Kinh doanh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Về kỹ năng

Học phần	Triết học Mác Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Lịch sử Đảng cộng sản Việt	Pháp luật đại cương	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tâm lý học lao động	Kinh tế phát triển	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giáo dục thể chất và giáo	Giáo dục thể chất
2. Kỹ năng														
- Lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp									x					
- Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp									x	x				
- Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp									x					
- Kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa														
- Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong xuất nhập khẩu hàng hóa														
- Kỹ năng xây dựng các chương trình vượt rào cản kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa														
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.										x				
- Kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập, thu thập có hệ thống về khoa học quản trị kinh doanh quốc tế									x					
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.							x	x						

Học phần	Giáo dục quốc phòng	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vi mô 2	Kinh doanh quốc tế	Kinh tế quốc tế 1	Quản trị học	Tiếng Anh chuyên ngành	Kinh tế khu vực và ASEAN	Kinh tế lượng	Kinh tế môi trường	Kinh tế học quản lý	Marketing căn bản	Lý thuyết xác suất và thống kê	Quản trị dịch vụ	Thương mại điện tử căn bản
2. Kỹ năng															
- Lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp				x	x	x					x	x			
- Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp				x	x	x					x	x			
- Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp				x				x	x		x	x	x		
- Kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa				x											
- Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong xuất nhập khẩu hàng hóa				x											
- Kỹ năng xây dựng các chương trình vượt rào cản kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa				x			x			x			x		
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	x	x	x	x	x	x			x		x		x	x	x
- Kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập, thu thập có hệ thống về khoa học quản trị kinh doanh quốc tế				x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.							x								

Học phần	Kinh tế thương mại đại cương	Kinh tế lao động	Quản trị chiến lược toàn cầu	Đàm phán thương mại quốc tế	Quản trị đa văn hóa	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng	Đầu tư quốc tế	Giao dịch Thương mại quốc tế*	Nghiệp vụ hải quan	Hội nhập kinh tế quốc tế	Quản trị Xuất nhập khẩu*	Khoa học hàng hóa (Tổng luận)	Kinh tế quốc tế 2
2. Kỹ năng													
- Lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
- Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa				x	x	x		x	x	x	x	x	
- Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong xuất nhập khẩu hàng hóa				x	x	x		x	x	x	x	x	
- Kỹ năng xây dựng các chương trình vượt rào cản kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa						x		x	x	x	x	x	x
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập, thu thập có hệ thống về khoa học quản trị kinh doanh quốc tế			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.													

Học phần	Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chất lượng	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất	Quản trị tài chính	Marketing quốc tế	Quảng cáo và xúc tiến TMQ T	Luật Thương mại quốc tế	Kinh tế doanh nghiệp	Quản trị tài chính công ty đa quốc	Quản trị nhân lực quốc tế	Kinh tế chia sẻ	Quản lý môi trường trong TMQ T	Chính sách kinh tế quốc tế	Quản trị Logistics kinh doanh	Kinh tế đầu tư quốc tế	Chiến lược thương hiệu	Thị trường ngoại hối	Quản trị thương hiệu 1
2. Kỹ năng																		
- Lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp												x	x	x				x
- Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp	x			x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				x
- Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp	x	x			x	x			x	x		x	x			x		x
- Kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa	x	x					x						x	x				
- Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong xuất nhập khẩu hàng hóa	x	x					x						x	x				
- Kỹ năng xây dựng các chương trình vượt rào cản kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa		x																
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x		x
- Kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập, thu thập có hệ thống về khoa học quản trị kinh doanh quốc tế	x	x			x	x				x	x			x	x		x	x
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.																		

Activate Windows

Về thái độ; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Học phần	Triết học Mác Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Lịch sử đảng công sản Việt	Pháp luật đại cương	Tiếng anh 1	Tiếng anh 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tâm lý học lao động	Kinh tế phát triển	Lịch sử các học thuyết kinh tế
3. Thái độ												
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;	x	x	x	x	x	x						
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức kinh doanh quốc tế hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có sức khỏe thể chất đảm bảo thực hiện công việc chuyên môn												

Học phần	Giáo dục thể chất và giáo dục	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vi mô 1	Kinh doanh quốc tế	Kinh tế quốc tế 1	Quản trị học	Tiếng anh chuyên ngành	Kinh tế khu vực và ASEAN	Kinh tế lượng	Kinh tế môi trường
3. Thái độ												
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;			x									
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức kinh doanh quốc tế hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có sức khỏe thể chất đảm bảo thực hiện công việc chuyên môn	x	x										

Học phần	Kinh tế học quản lý	Marketing căn bản	Lý thuyết xác suất và thống kê	Quản trị dịch vụ	Thương mại điện tử căn bản	Kinh tế thương mại đại cương	Kinh tế lao động	Quản trị chiến lược toàn cầu	Đàm phán thương mại quốc tế	Quản trị đa văn hóa	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng	Đầu tư quốc tế
3. Thái độ												
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;												
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức kinh doanh quốc tế hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có sức khỏe thể chất đảm bảo thực hiện công việc chuyên môn												

Học phần	Giao dịch Thương mại quốc tế*	Nghiệp vụ hải quan	Hội nhập kinh tế quốc tế	Quản trị Xuất nhập khẩu*	Khoa học hàng hóa (Tổng luận)	Kinh tế quốc tế 2	Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chất lượng	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất	Quản trị tài chính	Marketing quốc tế	Quảng cáo và xúc tiến TMQ T
3. Thái độ												
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;												
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức kinh doanh quốc tế hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có sức khỏe thể chất đảm bảo thực hiện công việc chuyên môn												

Học phần	Luật Thương mại quốc tế	Kinh tế doanh nghiệp	Quản trị tài chính công ty đa quốc	Quản trị nhân lực quốc tế	Kinh tế chia sẻ	Quản lý môi trường trong TMQ T	Chính sách kinh tế quốc tế	Quản trị Logistics kinh doanh	Kinh tế đầu tư quốc tế	Chiến lược thương hiệu	Thị trường ngoại hối	Quản trị thương hiệu 1
3. Thái độ												
- Có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân;	x											
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà kinh doanh quốc tế, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức kinh doanh quốc tế hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Có sức khỏe thể chất đảm bảo thực hiện công việc chuyên môn												

1.11 Hệ thống tính điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt) (theo QĐ247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ban hành 10/04/2017):

A (8,5-10)
B+(8,0-8,4)

C (5,5-6,4)
D+(5,0-5,4)

B (7,0-7,9)
C+(6,5-6,9)

D (4,0-4,9)
F (<4,0) - không đạt

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4,0
B+ tương ứng với 3,5
B tương ứng với 3,0
C+ tương ứng với 2,5
C tương ứng với 2,0
D+ tương ứng với 1,5
D tương ứng với 1,0
F tương ứng với 0,0

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Tiến trình chương trình đào tạo

Tiến trình chương trình đào tạo của ngành Kinh doanh quốc tế có thể kéo dài 7 kỳ hoặc 8 kỳ học, tùy thuộc vào tiến độ học nhanh hay học chuẩn của sinh viên:

Năm học	Học kỳ	Khối kiến thức/học phần	Số TC
1	1	Kiến thức giáo dục đại cương	15
	2	Kiến thức giáo dục đại cương Kiến thức cơ sở ngành	14 3
2	1	Kiến thức cơ sở ngành	25
	2	Kiến thức ngành bao gồm cả chuyên ngành Kiến thức ngành bao gồm cả chuyên ngành	6
3	1	Kiến thức ngành bao gồm cả chuyên ngành	16
	2	Kiến thức ngành bao gồm cả chuyên ngành	16
4	1	Kiến thức ngành bao gồm cả chuyên ngành, bổ trợ	15
	2	Thực tập tốt nghiệp	10
		<i>Tổng số</i>	120

2.2 Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

2.2.1. Khoa học hàng hóa – 2 tín chỉ

- Điều kiện: không

- Mô tả học phần

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số, mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản. Đồng thời, học phần giới thiệu về vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập Kinh doanh quốc tế.

2.2.2. Kinh tế môi trường – 2 tín chỉ

- Điều kiện: Không
- Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: bản chất của hệ thống môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững, kinh tế học của chất lượng môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích kinh tế tác động đến môi trường, các phương pháp lượng giá kinh tế của tác động môi trường. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ chủ yếu quản lý môi trường và các vấn đề môi trường trong thương mại.

2.2.3. Kinh tế quốc tế 1 - 3 tín chỉ

- Điều kiện: Không
- Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế thông qua các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích vì sao các quốc gia tình nguyện trao đổi thương mại với nhau, cơ sở phân chia thặng dư giữa các nước tham gia vào thương mại và các mô hình thương mại quốc tế hiện đại. Học phần cũng phân tích các chính sách thương mại chủ yếu các quốc gia áp dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; phân tích tác động của các chính sách tới giá cả, sản xuất, tiêu dùng, cân bằng bên trong, cân bằng bên ngoài và lợi ích của quốc gia. Học phần cũng trang bị các kiến thức về hệ thống tiền tệ quốc tế, các cơ chế điều chỉnh tỷ giá hối đoái và hoạt động đầu tư quốc tế.

2.2.4. Kinh doanh quốc tế - 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần trước: Kinh doanh quốc tế 1

- Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế và ảnh hưởng của những yếu tố thuộc môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp

những kiến thức liên quan chiến lược kinh doanh quốc tế, mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập thị trường trong kinh doanh quốc tế.

2.2.5. Kinh tế quốc tế 2- 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần học trước: Kinh tế quốc tế 1

- Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thức liên kết và hợp tác Kinh doanh quốc tế, các lợi ích của các hình thức hợp tác Kinh doanh quốc tế giữa các quốc gia và sự vận hành của doanh nghiệp sao cho phù hợp với các quy định của các tổ chức quốc tế và các định chế quốc tế. Học phần cũng phân tích các hình thức, đặc điểm và các yếu tố quyết định tới sự di chuyển nguồn lực giữa các quốc gia, làm rõ vai trò và tác động của việc di chuyển các nguồn lực giữa các quốc gia đối với tăng trưởng và phát triển của các quốc gia. Học phần cũng cung cấp kiến thức về vai trò của chính phủ trong việc điều tiết nền kinh tế mở, phân tích tác động của các chính sách này đến sự chuyển dịch của hàng hoá, tiền tệ trong nước với nước ngoài.

2.2.6. Quản trị xuất nhập khẩu - 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần trước: Quản trị học

- Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về các phương thức giao dịch trong thương mại quốc tế, các điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quy trình giao dịch thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, bao gồm: lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, giám sát và điều hành quy trình thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế.

2.2.7. Đàm phán thương mại quốc tế - 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần song hành:

- Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức khái quát về đàm phán trong thương mại quốc tế, đặc điểm, các kiểu đàm phán, các nguyên tắc và kỹ thuật, chiến thuật, phương pháp tiếp cận, các yếu tố ảnh hưởng và năng lực đàm phán thương mại của các doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu, nội dung, quy trình đàm phán thương mại quốc tế, văn hóa đàm phán thương mại của một số quốc gia trên thế giới.

2.2.8. Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế - 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần song hành:

- Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về các phương thức giao nhận, vận chuyển hàng hóa quốc tế, các chứng từ vận tải quốc tế. Ngoài ra, học phần giới thiệu về quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch cho việc giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế, tổ chức thực hiện giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế, giám sát và điều hành quy trình giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế.

2.2.9. Nghiệp vụ hải quan – 3 tín chỉ

- Điều kiện

Học phần trước:

- Mô tả học phần

Học phần Nghiệp vụ Hải quan giới thiệu khái quát về hải quan Việt Nam và hải quan thế giới, các Công ước quốc tế về Hải quan. Đồng thời, học phần trang bị các kiến thức về nghiệp vụ Hải quan bao gồm các nội dung về thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu hàng mậu dịch, hàng tạm nhập tái xuất, hàng gia công, hàng dự hội chợ triển lãm,...; Học phần cũng trang bị kiến thức về phương pháp xác định trị giá hải quan, quy trình nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam.

2.2.10. Đầu tư quốc tế - 3 tín chỉ

- Điều kiện : Học phần học trước Kinh tế đầu tư quốc tế

- Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Đầu tư quốc tế, sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT đến phân tích các lý thuyết ĐTQT và các yếu tố quyết định lưu chuyển dòng vốn này, vai trò của đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; làm rõ các vấn đề cơ bản trong môi trường đầu tư quốc tế; học phần cũng nghiên cứu các lý thuyết về Đầu tư quốc tế đồng thời kiểm định sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn thông qua phân tích các số liệu thống kê, nghiên cứu tình huống; học phần đồng thời nghiên cứu chính sách với hoạt động đầu tư quốc tế và các tiêu chí nhằm đánh giá dự án đầu tư quốc tế.

2.3 Chương trình thực tập tốt nghiệp

Mục tiêu chung: Học phần Thực tế nghề nghiệp và viết Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức, khả năng phát hiện các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động của doanh nghiệp; Sinh

viên có ý thức kỷ luật cao, khả năng đáp ứng chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị kinh doanh quốc tế và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Sinh viên có khả năng phân tích những tình huống thực tế dựa trên những kiến thức đã học, từ đó vận dụng những kiến thức đã học nhằm phát hiện những vấn đề thực tế thuộc ngành/chuyên ngành đào tạo tại doanh nghiệp/tổ chức nơi thực tập. Sinh viên có thể tổng hợp, phân tích và vận dụng được các kiến thức lý thuyết kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế liên quan đến hoạt động tại doanh nghiệp/tổ chức.
- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện vấn đề.
- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp, có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các chuyên ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức; tổng hợp các lý thuyết có liên quan đến vấn đề được phát hiện tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá toàn diện nội dung và có giải pháp hiệu quả cho vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.

2.4 Hoạt động ngoại khóa

Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa theo 2 nhóm chính là hoạt động ngoại khóa hỗ trợ môn học nhằm phát triển kiến thức chuyên môn, khơi gợi đam mê với nghề và hoạt động ngoại khóa ngoài môn học nhằm phát triển kỹ năng mềm, thái độ làm việc.

Người học được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa do Trường, Khoa, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức như: các câu lạc bộ giúp người học có nhiều cơ hội giao lưu, học tập kiến thức chuyên ngành, nâng cao kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm; tham gia Ban tổ chức các sự kiện do Khoa và các đối tác tổ chức, các hoạt động tình nguyện “Hiến máu nhân đạo”, “Tiếp sức mùa thi”...; tham gia các lễ hội như “Ngày hội sách và văn hoá đọc”, “Ngày hội hướng nghiệp”,

Các hoạt động thể thao cũng được diễn ra thường xuyên như Giải bóng đá cấp Khoa và Trường, Giải bóng ném “Mùa xuân thiếu nữ”,... Qua những hoạt động này, sinh viên được tích lũy làm giàu thêm các kỹ năng giao tiếp, sự tự tin, thái độ chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện và trách nhiệm xã hội. Khoa cũng tổ chức các buổi toạ đàm, ngày hội hướng nghiệp với các doanh nghiệp đối tác, tư vấn tổ chức hỗ trợ thông tin giúp người học có thể trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm nắm bắt cơ hội việc làm, cập nhật yêu cầu mới của doanh nghiệp, từ đó đạt chuẩn đầu ra với chất

lượng tốt hơn. Như vậy, thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng, chương trình tư vấn, hướng nghiệp, chương trình thực tế, Khoa đã tạo điều kiện rất tốt cho người học có thể tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm đáp ứng chuẩn đầu ra, thích nghi với bối cảnh mới.

2.5 Hoạt động nghiên cứu khoa học

Thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường ĐHTM và Khoa KTKDQT đã chú trọng gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Khoa KTKDQT triển khai sâu rộng cho các giảng viên và người học. Khoa đã có phong trào NCKH rất mạnh, huy động được sự tham gia của tất cả các giảng viên trong khoa cũng như các em sinh viên.

Kết quả cho thấy số lượng các bài báo khoa học của các giảng viên ngày càng tăng. Trong giai đoạn 2017-2019, Trường đã đạt được những mục tiêu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và sản phẩm nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên. Số lượng bài báo khoa học các cấp được công bố của giảng viên trong khoa lên đến 29 bài báo khoa học, trong đó có bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/Scopus, dù còn khiêm tốn (4 bài). Khoa thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị nghiên cứu khoa học nhằm tạo động lực giúp các GV trong khoa tích cực nghiên cứu và trau dồi thêm kiến thức chuyên môn phục vụ cho giảng dạy.

Bên cạnh đó, số lượng các đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, các bài nghiên cứu khoa học đăng các kỷ yếu quốc gia và quốc tế, và các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí khá lớn tính bình quân trên mỗi GV cũng như so với tiêu chuẩn quy định của Trường có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Trong thời gian này, số lượng bài báo khoa học mà các GV trong Khoa thực hiện hàng năm tăng lên. Hội đồng nghiệm thu giáo trình, sách chuyên khảo trong CTĐT của Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế luôn có sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài Trường, là những người có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực KDQT, đảm bảo tính nội dung học thuật và các thông tin được trình bày trong sản phẩm nghiên cứu khoa học cuối cùng.

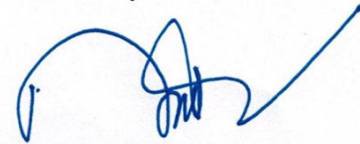
Nhằm khuyến khích sinh viên tham gia tích cực nghiên cứu khoa học, Nhà trường, Khoa cũng đã thực hiện hỗ trợ sinh viên tham gia bằng nhiều cách, như hỗ trợ kinh phí, tổ chức tọa đàm trao đổi phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học để giúp sinh viên hiểu hơn về hoạt động nghiên cứu khoa học và có thể dễ dàng thực hiện có kết quả tốt. Hội nghị báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên cấp khoa và cấp trường cũng được tổ chức thường niên nhằm mục đích công bố kết quả nghiên cứu của từng nhóm hoặc từng cá nhân, đồng thời cũng giúp cho toàn thể sinh viên trong khoa có cái nhìn khái quát hơn về nghiên cứu khoa học. Việc sớm tham gia nghiên cứu khoa học đã giúp sinh viên nắm vững kiến thức, có kỹ năng nghiên cứu, nâng cao các kỹ năng tìm kiếm và phân tích thông tin, khám phá và giải quyết vấn đề nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng trên thị trường lao động cũng như đủ khả năng tham gia học các chương trình đào tạo sau đại học ngành Thương mại và Quản lý kinh tế của các trường đại học trong nước và trên thế giới.

2.6 Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình này đã được áp dụng từ năm 2019 cho sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Thương mại. Quá trình giảng dạy dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, yêu cầu nguồn nhân lực và các yêu cầu cụ thể. Tùy thuộc vào định hướng cá nhân, các cố vấn học tập của Khoa sẽ khuyên sinh viên chọn tiến độ học tập và các môn học tự chọn phù hợp. Trưởng Khoa có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc xây dựng các giáo trình chi tiết để đảm bảo các mục tiêu, nội dung và đáp ứng nhu cầu của sinh viên và xã hội.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Duy Đạt